

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIỆT NAM TẠI NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TỔ CHỨC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN



CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02, Nguyễn Thượng Hiền, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: (0225) 3746464

Fax: (0225) 37427062

Email: contact@vishipel.com.vn

Website: www.vishipel.com

TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG



NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: 54A Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 37718989

Fax: (024) 37718899

Email: info.msb@msb.com.vn

Website: www.msb.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Trụ sở chính: Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 39334666

Fax: (024) 39334668

Email: support@apsc.vn

Website: www.apsc.vn

Tháng 04/2025

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI
VIỆT NAM TẠI NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TỔ CHỨC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 02, Nguyễn Thượng Hiền, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: (0225) 3746464

Fax: (0225) 37427062

Email: contact@vishipel.com.vn

Website: www.vishipel.com

TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM



Địa chỉ: 54A Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 37718989

Fax: (024) 37718899

Email: info.msb@msb.com.vn

Website: www.msb.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA



Trụ sở chính: Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 39334666

Fax: (024) 39334668

Email: support@apsc.vn

Website: www.apsc.vn

Tháng 04/2025

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM
(Giấy CNĐKDN số 0200118954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Phòng cấp lần đầu ngày 16/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/11/2023)

**CHUYỂN NHƯỢNG VỐN ĐẦU TƯ
TẠI NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM**
(Giấy CNĐKDN số 0200124891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 08/10/2024)

Tổ chức chuyển nhượng vốn:	Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam (“ VISHIPEL ”)
Tổ chức có vốn được chuyển nhượng:	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“ MSB ”)
Tên cổ phần chào bán:	Cổ phần Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần do VISHIPEL sở hữu:	320.323 cổ phần, chiếm 0,01% số lượng cổ phần đang lưu hành của MSB
Số lượng cổ phần chào bán:	320.323 cổ phần, tương đương 100% số cổ phần thuộc sở hữu của VISHIPEL tại MSB
Giá khởi điểm chào bán:	12.600 đồng/cổ phần
Phương thức chuyển nhượng:	Giao dịch khớp lệnh hoặc giao dịch thỏa thuận tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“ HOSE ”) (nơi cổ phiếu MSB đang được niêm yết và giao dịch)
Tổ chức thực hiện:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Sở GDCK TP.HCM)
Đối tượng tham gia	Các nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) đủ điều kiện tham gia mua cổ phần theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Thời gian dự kiến thực hiện:	Quý I – III/2025

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3933 4666

Fax: (024) 3933 4668

Email: support@apsc.vn

Website: www.apsc.vn

TỔ CHỨC ĐỊNH GIÁ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ S&P

Địa chỉ: Số 1 ngách 28/28 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911689466

Email: info@spvaluation.com

Website: <https://www.spvaluation.com>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Văn phòng Bitexco, Số 2 Hải Triều, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3824 5252

Email: eyhcmc@vn.ey.com

Fax: (024) 3824 5250

Website: www.ey.com

MỤC LỤC

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	6
1. Giới thiệu chung về tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	6
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
3. Mối quan hệ với Tổ chức có vốn được chuyển nhượng	8
4. Sở cổ phần sở hữu	8
PHẦN II: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG	9
1. Giới thiệu chung về Tổ chức có vốn được chuyển nhượng	9
2. Quá trình hình thành và phát triển	9
3. Ngành nghề kinh doanh	10
4. Cơ cấu cổ đông	11
4.1. Cơ cấu cổ đông	11
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 1% vốn cổ phần của Ngân hàng	11
5. Cơ cấu bộ máy quản lý	13
6. Tình hình sử dụng lao động	16
7. Danh sách công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết	18
8. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu	19
9. Kết quả hoạt động kinh doanh	22
10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	24
11. Vị thế trong ngành và triển vọng phát triển ngành	26
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	28
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	30
1. Cơ sở pháp lý	30
2. Mục đích chuyển nhượng vốn	31
3. Tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	32
3.1. Tình hình đầu tư vốn	32
3.2. Lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	32
4. Nhu cầu thị trường đầu tư vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn	33
5. Phương án chuyển nhượng vốn	36
5.1. Thông tin về cổ phần chào bán	36

5.2. Giá khởi điểm chuyển nhượng vốn	37
5.3. Phương thức chuyển nhượng vốn	39
5.4. Đối tượng tham gia mua cổ phần	41
5.5. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần và chuyển nhượng cổ phần	41
5.6. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn và công bố thông tin về đợt chào bán cổ phần	41
5.7. Phương án xử lý số cổ phần không bán hết	41
5.8. Chi phí chuyển nhượng vốn	42
6. Quy định về sở hữu cổ phần và chuyển nhượng cổ phần tại các Tổ chức tín dụng....	42
7. Dự kiến thời gian thực hiện	44
PHẦN IV: KẾT LUẬN	47

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG**1. Giới thiệu chung về tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng**

Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh : Viet Nam Maritime Communication and Electronics Single-Member Limited Liability Company

Tên viết tắt : VISHIPEL

Địa chỉ : Số 02, Nguyễn Thượng Hiền, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : 0225.3746464 Fax: 0225.3747062

Vốn điều lệ : 491.108.350.831 (Bốn trăm chín mươi một tỷ, một trăm linh tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn, tám trăm ba mươi một đồng)

Giấy CNĐKDN : Giấy CNĐKDN số 0200118954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/11/2023

Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Quản lý, khai thác hệ thống Đài Thông tin Duyên hải Việt Nam; Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công Thông tin Duyên hải, thông tin tìm kiếm cứu nạn hàng hải, các thông tin liên quan đến an toàn phương tiện hoạt động trên biển và bảo vệ an ninh quốc gia thuộc chủ quyền vùng biển Việt Nam; Dịch vụ tuyên truyền, quảng bá, truyền thông lĩnh vực hàng hải.	6399
2	Hoạt động viễn thông khác	6190
3	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
4	Cổng thông tin	6312
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật vật tư hàng hải	7110
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không.	5229
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư tàu thủy	4659

Stt	Tên ngành	Mã ngành
8	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
9	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị, lắp đặt cột ăng ten	3290
10	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện trên tàu	4321
12	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, cài đặt, đo kiểm, kiểm thử thiết bị điện tử hàng hải trên tàu; sửa chữa máy móc chuyên dụng, hệ thống điện, hệ thống nước, hệ thống lạnh, điều hòa không khí và các thiết bị khác trên tàu.	3319
13	Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại	2592
14	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo chuyên ngành viễn thông, công nghệ thông tin, đào tạo chuyên ngành viễn thông hàng hải	8559
15	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
16	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19	Hoạt động viễn thông có dây	6110
20	Hoạt động viễn thông không dây	6120
21	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
22	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: thiết bị, linh kiện máy tính	4651
23	Lập trình máy vi tính	6201
24	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam (VISHIPEL) thành lập năm 1982, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, cung cấp các dịch vụ viễn thông sử dụng trên đất liền, trên biển cũng như trên không. VISHIPEL quản lý và khai thác một số hạ tầng mạng viễn thông quan trọng của Việt nam gồm Đài Vệ tinh Mặt đất Inmarsat Hải Phòng, Hệ thống Đài TTDH Việt nam, Đài LUT/ MCC Việt nam và mạng công nghệ thông tin phục vụ chuyên ngành hàng hải. VISHIPEL hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước qua các dịch vụ, sản phẩm viễn thông tin cậy như các dịch vụ Thông tin duyên hải

theo GMDSS, thông tin cấp cứu, cứu nạn và phòng chống bão lụt phục vụ tàu cá, dịch vụ viễn thông hàng hải, viễn thông công cộng, thiết bị hàng hải, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, đào tạo... Với truyền thống hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, cùng cơ sở hạ tầng viễn thông tiên tiến, đội ngũ nhân lực trình độ vững vàng, VISHIPEL đã luôn dành được sự tin cậy của khách hàng, khẳng định thương hiệu trong lĩnh vực viễn thông nói chung và Thông tin duyên hải nói riêng.

3. Mọi quan hệ với Tổ chức có vốn được chuyển nhượng

Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam đang là cổ đông của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với số cổ phần sở hữu là **320.323** cổ phần, giá trị theo mệnh giá **3.203.230.000 đồng**, tương đương **0,01%** vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

4. Số cổ phần sở hữu

- | | |
|--------------------------|--|
| - Tên cổ phần chào bán: | Cổ phần Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam |
| - Loại cổ phần chào bán: | Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng |
| - Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phần |

Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam đang nắm giữ **320.323** cổ phần, chiếm **0,01%** số lượng cổ phần thực tế đang lưu hành của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam. Theo đó, số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam chuyển nhượng tương đương với 100% tổng số cổ phần đang sở hữu tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

PHẦN II: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG

1. Giới thiệu chung về Tổ chức có vốn được chuyển nhượng

- Tên Công ty: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank
- Tên viết tắt: MSB
- Địa chỉ: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 37718989 Fax: (024) 37718899
- Logo:



- Vốn điều lệ: 26.000.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu nghìn tỷ đồng)
- Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Linh Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Ngân hàng MSB) hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/06/1991 có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 2238/QĐ-NHNN ngày 08/10/2024;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005 [chuyển từ GCN ĐKDN số 055501 do Trọng tài kinh tế (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư) thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/03/1992], đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 13/01/2023.

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) thành lập năm 1991 tại thành phố Hải Phòng. Trải qua hơn 32 năm xây dựng, với quy mô vốn điều lệ lên tới 26.000 tỷ đồng cùng đội ngũ hơn 6.000 cán bộ nhân viên trình độ cao, MSB đã phát triển, trở thành một trong những ngân hàng uy tín tại Việt Nam, cung cấp toàn diện các giải pháp tài chính ngân hàng cho mọi đối tượng khách hàng trong nền kinh tế.

Năm 1991: Chính thức thành lập tại TP. Hải Phòng, là ngân hàng TMCP đầu tiên được cấp phép tại Việt Nam với vốn điều lệ 40 tỷ đồng

Năm 2005: Chuyển trụ sở chính về TP. Hà Nội

Năm 2007: Đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN

Năm 2010 – 2012: Ký kết tư vấn chiến lược với McKinsey; Đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng

Năm 2015: Sáp nhập với Ngân hàng TMCP phát triển Mê Kông và mua lại TFC

Năm 2018: Thí điểm thành công Basel II

Năm 2019: Thay đổi nhận diện thương hiệu từ Maritime Bank sang MSB; Moody's nâng hạng tín nhiệm

Năm 2020: Hoàn thành 3 trụ cột Basel II; Niêm yết trên HSX; Ra mắt ngân hàng số TNEX

Năm 2021: Ký Hợp đồng hợp tác phân phối Banca với Prudential thời hạn 15 năm; Moody's nâng hạng tín nhiệm; Cổ phiếu MSB lọt rổ VN Diamond, VNFinlead; Áp dụng Basel III

Năm 2022: Ra mắt 8 hành trình khách hàng được số hóa hoàn toàn; Thành lập Ủy ban phát triển bền vững; Ký Hợp đồng tín dụng xanh trị giá 30 triệu USD với Proparco

Năm 2023: Ký Ý định thư trị giá 100 triệu USD với FMO; Ra mắt Bảo cáo phát triển bền vững đầu tiên, độc lập với Bảo cáo thường niên

Năm 2018 – 2023: Ký kết tư vấn chiến lược giai đoạn mới với McKinsey

3. Ngành nghề kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200124891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 08/10/2024, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây: Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận; Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; Cung ứng các phương tiện thanh toán; Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh; Cấp tín dụng dưới các hình thức sau: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận; Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; - Kinh doanh mua, bán vàng miếng	6419 (Chính)
2	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo	6499

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; Mua bán trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu doanh nghiệp; Thực hiện dịch vụ môi giới tiền tệ; Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước	
3	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động thanh toán và giao dịch bằng thẻ tín dụng; Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; Mua, bán nợ	6619

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng tại ngày 31/12/2023

Stt	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	33.885	1.405.000.000	70,25
1	Tổ chức	108	688.400.000	34,42
2	Cá nhân	33.777	716.600.000	35,83
II	Nước ngoài	130	595.000.000	29,75
1	Tổ chức	30	400.200.000	20,01
2	Cá nhân	100	194.800.000	9,74
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng			2.000.000.000	100

(Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2023 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 1% vốn cổ phần của Ngân hàng

Bảng 2: Cổ đông nắm giữ từ trên 1% vốn cổ phần của Ngân hàng

Stt	Tên cổ đông	Giấy CN ĐKKD/CCCD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT)	Số 0100684378 do Sở KH và ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 17/08/2010	Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	157.254.977	6,05
2	CTCP Đầu tư RICOHOMES	Số 0109780661 do Sở KH và ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 15/10/2021	Số 78, Đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Hà Nội	129.480.000	4,98
3	CT Xây dựng và Kinh doanh Cơ sở hạ tầng KCN Hà Nội - Đài Từ	Số 0100113293 do Sở KH và ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 23/08/1995	Khu Công nghiệp Hà Nội - Đài Từ, Số 386 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	129.480.000	4,98
4	CT TNHH Thành phố Công nghệ xanh Hà Nội	Số 0106753194 do Sở KH và ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2014	Số 115, phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	129.230.520	4,97
5	CT TNHH Khu nghỉ duỡng Bãi Dài	Số 4201540718 do Sở KH và ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 12/12/2012	Lô D2B, Khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh, Xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa	128.843.390	4,96
6	CTCP ROX HEY HOLDINGS	0106673358 do Sở KH và ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày	Tầng 25, Tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống	63.212.282	2,43

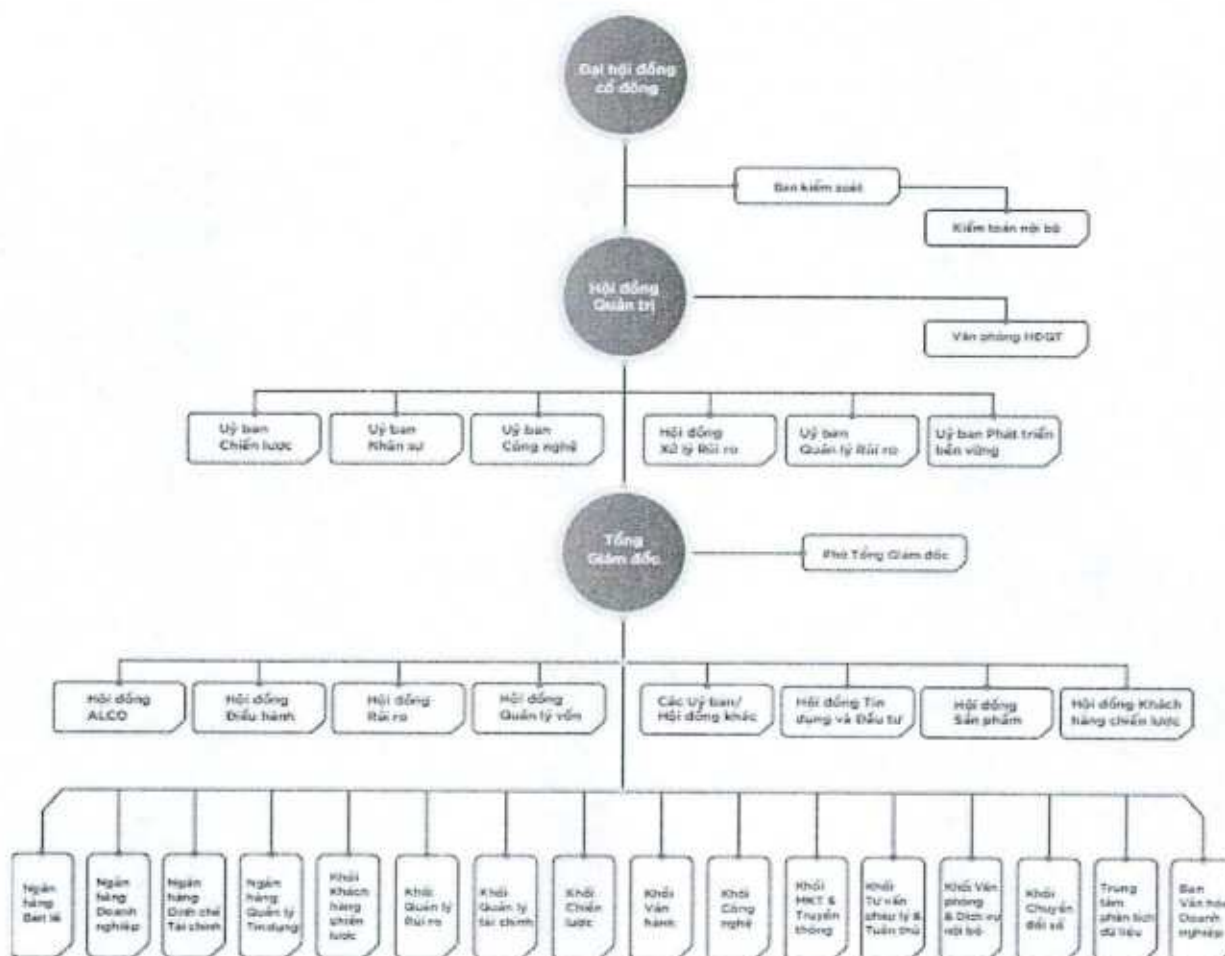
Stt	Tên cổ đông	Giấy CN ĐKKD/CCCD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
		23/10/2014	Đa, Hà Nội		
7	BUENAVIST A HOLDINGS LIMITED			61.747.140	2,37
8	CTCP Đầu tư Xây dựng ROX CONS Việt Nam	Số 0106831501 do Sở KH và ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/04/2015	Tầng 25, Tòa tháp A, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội	48.503.000	1,87
Tổng cộng				847.751.309	33,61

(Nguồn: Thông tin cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

Ghi chú: Các thông tin về cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên được công bố theo quy định tại Khoản 5 Điều 49 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024, cập nhật dựa trên dữ liệu VSDC cung cấp ngày 14/10/2024 và thông tin do Cổ đông cung cấp tính đến hết ngày 17/12/2024.

5. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng



(Nguồn: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

Diễn giải sơ đồ

Hiện nay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020. Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là Điều lệ Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam bao gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề quan trọng của MSB theo quy định của pháp luật và Điều lệ. ĐHĐCĐ hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. ĐHĐCĐ có quyền thông qua định hướng phát triển của MSB; bầu, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thực hiện các

quyền hạn khác.

❖ **Hội đồng quản trị (HDQT)**

HDQT là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HDQT của MSB bao gồm 07 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập và 06/07 thành viên không phải là người điều hành; Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HDQT. HDQT thành lập các Ủy ban làm tham mưu cho HDQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Các Ủy ban bao gồm: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Xử lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Công nghệ, Ủy ban Phát triển Bền vững, Văn phòng HDQT.

- Hội đồng Xử lý rủi ro: là đơn vị do HDQT thành lập, có vai trò chính là phê duyệt các vấn đề liên quan đến xử lý rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và các rủi ro khác (loại trừ rủi ro thị trường và thanh khoản) tại MSB theo phân cấp thẩm quyền của HDQT.

- Ủy ban Quản lý rủi ro: là đơn vị tham mưu và đề xuất với HDQT trong việc phê duyệt, ban hành Chính sách quản lý rủi ro, Khung quản lý rủi ro, xây dựng và nâng cấp Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các nội dung khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ MSB hoặc do HDQT quyết định.

- Ủy ban Nhân sự: là đơn vị do HDQT thành lập nhằm tham mưu cho HDQT về việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ theo quy định hiện hành nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý nguồn nhân lực của MSB.

- Ủy ban Chiến lược: là đơn vị được thành lập để tham mưu, giúp việc cho HDQT trong công tác xây dựng, theo dõi và giám sát việc thực thi chiến lược và kế hoạch kinh doanh của MSB.

- Ủy ban Công nghệ: là đơn vị được HDQT ủy quyền thực hiện một số nội dung công việc liên quan đến chiến lược công nghệ để phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển chung của MSB và bảo đảm chiến lược công nghệ được thi hành thành công.

- Ủy ban Phát triển bền vững: đưa ra các chiến lược, chính sách phát triển ESG để ngân hàng tiến gần với các tiêu chuẩn quốc tế về tín dụng xanh, đồng thời chung tay thúc đẩy Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, hướng đến mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net zero) vào năm 2050.

- Văn phòng HDQT: là đơn vị giúp việc cho HDQT thực hiện các công tác thư ký, quan hệ cổ đông, quan hệ đối ngoại của MSB và tổ chức thực hiện công tác lưu giữ hồ sơ của HDQT.

❖ **Ban Kiểm soát (BKS)**

BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT. BKS

của MSB có 03 thành viên và đều là thành viên chuyên trách. BKS có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của MSB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

❖ **Tổng giám đốc (TGD) – Người đại diện pháp luật của MSB**

TGD là người điều hành cao nhất của MSB, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB. Hiện tại, nhân sự giúp việc cho TGD là các Phó Tổng Giám đốc, Chánh văn phòng Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối/Ban và các Hội đồng chuyên môn bao gồm: Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng Sản phẩm, Hội đồng Quản lý tài sản nợ-tài sản có (ALCO), Hội đồng Điều hành, Hội đồng Quản lý Rủi ro, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư, Hội đồng Khách hàng Chiến lược. Các đơn vị trực thuộc TGD gồm: Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Định chế Tài chính, Khối Khách hàng Chiến lược, Ngân hàng Quản lý Tín dụng, Khối Vận hành, Khối Quản lý Rủi ro, Khối Quản lý Tài chính, Khối Marketing và Truyền thông, Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ, Khối Công nghệ, Khối Chiến lược, Khối Chuyển đổi số, Khối Văn Phòng & Dịch vụ nội bộ, Trung tâm Phân tích Dữ liệu nâng cao, Ban Văn hóa Doanh nghiệp.

Cơ cấu tổ chức của MSB được thiết kế đảm bảo phân tách giữa hoạt động kinh doanh và hỗ trợ: Các Ngân hàng chuyên doanh (NHCD) tập trung vào hoạt động phát triển, thúc đẩy khách hàng. Các đơn vị hỗ trợ đảm bảo vai trò chuyên môn hóa như vận hành, công nghệ, quản lý rủi ro. Các NHCD đi theo định hướng phân khúc khách hàng. MSB triển khai cấu trúc quản lý nội bộ theo mô hình mỗi ngân hàng chuyên doanh như một ngân hàng nhỏ độc lập (bank in bank model), tự chủ trong quản lý chi phí, doanh thu, lợi nhuận và từ đó tiến độ triển khai các nhiệm vụ, yêu cầu rất thông suốt và hiệu quả.

6. Tình hình sử dụng lao động

6.1. Số lượng người lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, số lượng cán bộ, nhân viên, của MSB là 6.308 người được phân loại như sau:

Bảng 3: Cơ cấu lao động của Ngân hàng đến ngày 31/12/2023

STT	Tiêu chí	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo độ tuổi	
1.1	- Dưới 30 tuổi	32,8%
1.2	- Từ 30 - 50 tuổi	65,7%
1.3	- Trên 50 tuổi	1,5%
2	Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	
2.1	- HĐLĐ xác định thời hạn	60,5%

2.2	- HDLĐ không xác định thời hạn	39,5%
3	Phân theo giới tính	
3.1	- Nam	34,6%
3.2	- Nữ	65,4%

(Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2023 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

6.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ tiêu chuẩn

MSB luôn tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24.

❖ Chính sách lương thưởng

Toàn bộ cán bộ nhân viên ngân hàng được chi trả thù lao theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng và nhận được các phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể. Cấp quản lý cao nhất của MSB (Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) được chi trả thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe

MSB luôn ưu tiên bảo vệ sức khỏe cán bộ nhân viên và triển khai các chính sách:

- Khám sức khỏe định kỳ với nhiều hạng mục phù hợp, thực hiện tầm soát bệnh lý theo nhu cầu của cán bộ nhân viên tại các bệnh viện uy tín, chất lượng với chi phí trung bình 1,5 triệu đồng/người;
- Bảo hiểm sức khỏe: người lao động được thụ hưởng bảo hiểm sức khỏe toàn diện theo chương trình “MSB Care” với các chính sách và giá trị bảo hiểm gia tăng theo từng năm. Cụ thể, các chức danh lãnh đạo: giá trị bảo hiểm lên đến 1,5 tỷ đồng/người; các chức danh khác: mức bảo hiểm trung bình 300 triệu đồng/người;
- Nghi dưỡng hàng năm tái tạo sức lao động
- Phòng y tế cho cán bộ nhân viên và phòng chức năng cho cán bộ nhân viên nữ đang trong thời kỳ nuôi con nhỏ.

❖ Phúc lợi, đãi ngộ

Trợ cấp và khen thưởng:

- Hỗ trợ tiền ăn, đi lại/điện thoại/trang điểm;
- Chi thưởng các ngày lễ, Tết;
- Chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật;
- Thưởng dựa trên kết quả thực hiện công việc trong năm.

Phúc lợi đời sống:

- Hoạt động văn hóa - nghệ thuật - thể thao;
- Quà tặng cho con nhân viên nhân dịp 01/06, trung thu, đạt danh hiệu học sinh giỏi, ngày hội khai trường;

- Ngoài ra, cán bộ nhân viên MSB sẽ được hưởng thêm các chế độ như nghỉ hưởng nguyên lương trong ngày sinh nhật và nghỉ phép thâm niên tăng 01 ngày so với Bộ Luật lao động.

Chế độ cho lao động nữ:

- Quà cho nhân viên nữ nhân dịp 08/03, 20/10;
- Trợ cấp thai sản;
- Ngày nghỉ khám thai tăng thêm so với Luật lao động;
- Chế độ nghỉ thai sản: MSB áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hàng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.

Các đãi ngộ, hỗ trợ khác:

- Giờ làm việc linh hoạt đối với cán bộ nhân viên làm việc tại Hội sở;
- 03 lượt đi muộn/về sớm mỗi tháng với thời gian tối đa 4,5h/tháng và vẫn được trả lương để cán bộ nhân viên gắn kết cùng gia đình;
- Chính sách vay ưu đãi cho cán bộ nhân viên;
- Ngày nghỉ cho cán bộ nhân viên nam có vợ sinh con.

7. Danh sách công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết

7.1. Công ty mẹ

Không có

7.2. Công ty con

Bảng 4: Danh sách công ty con của Ngân hàng tại 31/12/2024

Tên công ty	Giấy CNDKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX (TNEX Finance)	Số 0301516782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2010	Tầng KT tòa nhà văn phòng Thăng Long Tower, số 98, phố Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Huy động vốn, cấp tín dụng, các hoạt động khác	500.000.000.000	100%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ và hợp nhất tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

7.3. Công ty liên kết

Không có

8. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu

Ngân hàng MSB luôn không ngừng sáng tạo, đổi mới nhằm phục vụ tốt hơn các tệp khách hàng khác nhau. Các hoạt động kinh doanh cốt lõi của MSB bao gồm:

❖ Hoạt động tín dụng

Một số sản phẩm nổi bật trong hoạt động cho vay của ngân hàng MSB như:

- Đối với khách hàng cá nhân: M-Biz online, Vay kinh doanh thẻ chấp online, Thẻ đen MSB Mastercard World Elite
- Đối với khách hàng doanh nghiệp: Gói giải pháp tín chấp M-Power, Gói giải pháp tín dụng toàn diện M-Supreme, Sổ hóa tín dụng (gồm: Giải ngân online, LC/Bảo lãnh online, Sổ hóa luồng hồ sơ tái cấp), Chương trình tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ

Trong giai đoạn năm 2022 đến nay, dư nợ của MSB tăng trưởng tốt với cơ cấu theo từng kỳ hạn như sau:

Bảng 5: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn
Riêng lẻ của Ngân hàng năm 2022 - 2023 và 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Riêng lẻ)		Năm 2023 (Riêng lẻ)		31/12/2024 (Riêng lẻ)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	50.495.428	42,54%	66.297.164	45,11%	65.528.508	37,51%
Nợ trung hạn	27.352.078	23,04%	43.238.975	29,42%	58.853.776	33,68%
Nợ dài hạn	40.863.240	34,42%	37.447.483	25,48%	50.336.604	28,81%
Tổng cộng	118.710.746	100%	146.983.622	100%	174.718.888	100%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

Bảng 6: Cơ cấu dư nợ cho vay theo kỳ hạn
Hợp nhất của Ngân hàng năm 2022 - 2023 và 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Hợp nhất)		Năm 2023 (Hợp nhất)		31/12/2024 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	51.830.929	42,96%	67.725.380	45,41%	66.114.974	37,09%
Nợ trung hạn	27.862.422	23,09%	43.819.385	29,38%	61.516.726	34,51%
Nợ dài hạn	40.950.191	33,94%	37.600.621	25,21%	50.646.551	28,41%
Tổng cộng	120.643.542	100%	149.145.386	100%	178.278.251	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất từ quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

❖ **Hoạt động huy động vốn:**

Trong mảng huy động vốn, hoạt động tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng cao nhất với 2 nhóm khách hàng chính gồm:

- Đối với khách hàng cá nhân: tổng huy động năm 2024 đạt 79.204 đồng, tăng trưởng hơn 4,79% so với 2023, trong đó tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn chiếm xấp xỉ 20% tổng huy động của mảng bán lẻ. Huy động vốn của khách hàng cá nhân năm 2024 chiếm 51,23% tổng huy động tiền gửi, chủ yếu là đến từ nhóm khách hàng có thu nhập từ lương.
- Đối với khách hàng doanh nghiệp: năm 2023, tiền gửi CASA từ tệp khách hàng doanh nghiệp có sự tăng trưởng tốt từ mảng SME, đúng theo chiến lược của MSB, tăng trưởng 29,2% so với năm 2022. Đặc biệt, tổng tiền gửi từ khách hàng tổ chức năm 2024 đạt 75.408 tỷ đồng (tăng 32,85% so với 2023).

Ngoài ra, MSB còn huy động vốn từ các nguồn khác để đáp ứng nhu cầu về vốn của Ngân hàng như: trái phiếu Chính phủ, cho vay các tổ chức tín dụng khác, công cụ tài chính phái sinh, phát hành giấy tờ có giá... với cơ cấu như sau:

**Bảng 7: Cơ cấu huy động vốn Riêng lẻ của Ngân hàng
năm 2022 - 2023 và 31/12/2024**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Riêng lẻ)		Năm 2023 (Riêng lẻ)		31/12/2024 (Riêng lẻ)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính	1.014.560	0,56%	1.012.533	0,44%	9.203.519	3,31%

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Riêng lẻ)		Năm 2023 (Riêng lẻ)		31/12/2024 (Riêng lẻ)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
phủ và Ngân hàng Nhà Nước						
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	50.298.619	27,94%	85.521.929	37,49%	91.987.096	33,12%
Tiền gửi của khách hàng	117.119.779	65,05%	132.345.031	58,01%	154.608.447	55,67%
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	263.356	0,12%	730.128	0,26%
Phát hành giấy tờ có giá	11.599.514	6,44%	8.991.415	3,94%	21.210.596	7,64%
Tổng cộng	180.032.472	100%	228.134.264	100%	277.739.786	100%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn Hợp nhất của Ngân hàng năm 2022 - 2023 và 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Hợp nhất)		Năm 2023 (Hợp nhất)		31/12/2024 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	1.014.560	0,56%	1.012.533	0,44%	9.203.519	3,31%
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	50.374.160	27,97%	85.553.514	37,50%	92.218.519	33,18%
Tiền gửi của khách hàng	117.120.779	65,03%	132.350.131	58,00%	154.612.451	55,62%

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Hợp nhất)		Năm 2023 (Hợp nhất)		31/12/2024 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	263.356	0,12%	730.128	0,26%
Phát hành giấy tờ có giá	11.599.514	6,44%	8.991.415	3,94%	21.210.373	7,63%
Tổng cộng	180.109.013	100%	228.170.949	100%	277.974.990	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

❖ **Hoạt động khác:**

Các hoạt động nổi bật khác của ngân hàng MSB đáng chú ý là hoạt động liên ngân hàng - ngân hàng định chế, bao gồm: kinh doanh ngoại tệ, quản lý thanh khoản, đại lý sản phẩm bảo hiểm...

9. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh
Riêng lẻ của Ngân hàng năm 2022 - 2023 và 31/12/2024

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Riêng lẻ)	Năm 2023 (Riêng lẻ)	% tăng/ giảm	31/12/2024 (Riêng lẻ)
1	Tổng tài sản	212.800.408	267.120.080	25,53%	319.988.490
2	Vốn chủ sở hữu	26.713.467	31.365.617	17,41%	36.891.341
3	Tổng thu nhập hoạt động	10.476.566	12.026.271	14,79%	10.476.566
3.1	- Thu nhập lãi thuần	8.189.607	8.989.827	9,77%	9.964.960
3.2	- Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	1.105.431	1.586.371	43,51%	1.342.758
3.3	- Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	999.623	1.072.237	7,26%	1.055.874
3.4	- Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-2.028	-12.705	-	-478

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Riêng lẻ)	Năm 2023 (Riêng lẻ)	% tăng/ giảm	31/12/2024 (Riêng lẻ)
3.5	- Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	683.122	511.812	- 25,08%	273.491
3.6	- Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	-499.189	-122.902	-	1.222.847
3.7	- Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	1.631	-	-
4	Chi phí hoạt động	-4.318.422	-4.677.824	-	-5.026.268
5	Thuế TNDN	-1.169.233	-1.184.664	-	-1.382.983
6	Lợi nhuận trước thuế	5.790.542	5.836.814	0,80%	6.908.739
7	Lợi nhuận sau thuế	4.621.309	4.652.150	0,67%	5.525.756
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh
Hợp nhất của Ngân hàng năm 2022 - 2023 và 31/12/2024

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Hợp nhất)	Năm 2023 (Hợp nhất)	% tăng/ giảm	31/12/2024 (Hợp nhất)
1	Tổng tài sản	212.775.858	267.005.838	25,49%	320.177.143
2	Vốn chủ sở hữu	26.653.998	31.298.212	17,42%	36.817.557
3	Tổng thu nhập hoạt động	10.693.674	12.258.987	14,64%	14.218.240
3.1	- Thu nhập lãi thuần	8.321.791	9.188.515	10,42%	10.243.064
3.2	- Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	1.112.464	1.597.025	43,56%	1.354.055
3.3	- Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.000.441	1.072.237	7,18%	1.055.874
3.4	- Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-2.028	-12.705	-	-478
3.5	- Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	683.122	511.812	-25,08%	273.491

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Hợp nhất)	Năm 2023 (Hợp nhất)	% tăng/ giảm	31/12/2024 (Hợp nhất)
3.6	- Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	-422.996	-99.528	-	1.292.234
3.7	- Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	880	1.631	85,34%	-
4	Chi phí hoạt động	-4.427.964	-4.812.331	-	-5.229.935
5	Thuế TNDN	-1.170.990	-1.185.696	-	-1.384.465
6	Lợi nhuận trước thuế	5.787.203	5.829.910	0,74%	6.903.842
7	Lợi nhuận sau thuế	4.616.213	4.644.214	0,61%	5.519.377
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.252	2.322	3,11%	2.123

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 11: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng năm 2022 - 2023 và 31/12/2024

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Năm 2023		31/12/2024	
			Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất
1.	Quy mô vốn							
1.1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	19.857.500	19.857.500	20.000.000	20.000.000	26.000.000	26.000.000
1.2	Tổng tài sản	Triệu đồng	212.800.408	212.775.858	267.120.080	267.005.838	319.988.490	320.177.143
1.3	Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	%	12,55	12,53	11,74	11,72	11,53	11,50
1.4	CASA/ Tổng tiền gửi	%	28,22	29,70	24,59	25,20	23,06	23,04
2.	Hệ số an toàn vốn							
2.1	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	-	12,31	-	12,76	-	12,36

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Năm 2023		31/12/2024	
			Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất
3. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản								
3.1	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	3,05	3,10	4,54	4,64	3,75	3,86
3.2	Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,70	1,70	2,82	2,90	2,60	2,60
3.3	Doanh số huy động tiền gửi (Huy động KH)	Triệu đồng	117.119.779	117.120.779	132.345.031	132.350.131	154.608.447	154.612.451
4. Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản								
4.1	Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tài sản	%	55,79	56,70	55,03	55,86	54,60	55,68
4.2	Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi khách hàng (LDR)	%	68,77	-	67,55	-	74,68	-
5. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh								
5.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	18,94	18,44	16,02	15,56	16,20	16,70
5.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,22	2,31	1,94	1,88	1,76	1,65

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Năm 2023		31/12/2024	
			Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất
	biên quân (ROAA)							
5.3	Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần (EPS)	Đồng	2.311	2.252	2.326	2.322	-	2.123
5.4	Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,59	4,50	4,21	3,98	3,6	3,70
5.5	P/E	Lần	5,41	5,6	5,59	5,60	5,22	5,31

(Nguồn: BCTC hợp nhất, riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất, riêng lẻ tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

11. Vị thế trong ngành và triển vọng phát triển ngành

❖ Vị thế của Ngân hàng MSB so với các ngân hàng khác

Bảng 12: So sánh các chỉ tiêu tài chính các ngân hàng tại 31/12/2024

STT	Ngân hàng	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	LNTT	NIM	NPL	ROE	Số lượng chi nhánh/ PGD
		Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%	%	%	
1	BIDV	2,760,693	144,511	31.383	2,33	1,7	18,44	1118
2	VietinBank	2,385,383	149,944	31.758	3,15	1,4	18,38	1111
3	Vietcombank	2,085,397	198,956	42.236	3,01	1,2	18,59	132
4	MB Bank	1,128,801	117,059	28.829	4,42	2,2	21,18	111
5	Techcombank	978,798	147,939	27.538	4,62	1,3	15,40	300
6	VPBank	923,847	147,275	20.013	5,92	4,8	10,99	288
7	ACB	864,005	83,461	21.006	3,61	1,5	21,75	389
8	Sacombank	748,094	54,972	12.720	3,58	2,5	20,03	547
9	SHB	747,243	57,849	11.543	3,28	2,5	17,08	294
10	HDBank	697,280	56,657	16.731	5,39	1,9	24,77	326
11	LPBank	508,330	43,338	12.168	3,52	2,0	25,10	567
12	VIB	493,158	41,861	9.004	3,75	3,9	18,06	192
13	TPBank	418,028	37,596	7.560	3,49	2,3	17,27	141

STT	Ngân hàng	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	LNTT	NIM	NPL	ROE	Số lượng chi nhánh/PGD
		Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%	%	%	
14	MSB	320,177	36,817	6.904	3,64	2,9	16,21	261
15	SeABank	325,698	35,002	6.039	3,58	1,9	14,75	182
16	OCB	280,712	31,671	4.006	3,49	3,2	10,54	176
17	Nam A Bank	245,128	19,288	4.545	3,59	2,9	20,89	148
18	Eximbank	239,767	25,099	4.188	2,8	2,7	13,99	49
19	Bac A Bank	165,486	11,782	1.260	2,33	3,2	8,93	166
20	ABBank	176,741	14,049	795	-	1,3	4,44	60
21	VietBank	162,855	8,701	1.131	1,95	3,3	11,55	133
22	VietABank	119,832	8,866	1.084	2,29	1,7	10,40	25
23	NCB	118,498	6,092	(5.128)	1,87	30,6	-91,69	23
24	KienlongBank	92,176	6,604	1.112	3,59	4,7	14,36	126
25	Viet Capital Bank	103,536	6,154	390	2,53	1,9	5,19	135
26	PGBank	73,210	5,162	421	2,62	3,2	6,72	24
27	Saigonbank	33,260	4,089	99	2,29	2,8	1,94	89
Thứ hạng của MSB		15	14	14	6	9	13	10

(Nguồn: BCTC hợp nhất tự lập quý 4 năm 2024 của các Ngân hàng)

Thống kê cho thấy, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam thuộc phân khúc ngân hàng thương mại cổ phần tầm trung. Cụ thể, chỉ tiêu về quy mô tổng tài sản của MSB xếp hạng 15, các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu và lợi nhuận trước thuế đều xếp hạng 14 trên danh sách 27 ngân hàng. Chỉ số biên lãi ròng (NIM) đứng thứ 6, phản ánh khả năng tối ưu hóa chi phí vốn và tạo lợi nhuận từ tài sản hiệu quả. Bên cạnh đó, trải qua quá trình tái cơ cấu và phân loại nợ quyết liệt, tỷ lệ nợ xấu của MSB đang ở mức thứ 9/27, tuy nhiên ngân hàng đã thực hiện trích lập đầy đủ đúng theo quy định và đang tích cực thu hồi nợ xấu. Về mặt hiệu quả sinh lời, chỉ tiêu ROE của MSB cũng có thứ hạng tương đương với quy mô hoạt động khi xếp hạng 13 trong danh sách trên. Mạng lưới hoạt động của MSB có độ phủ khắp toàn quốc, đứng thứ 10.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2024, ngành ngân hàng Việt Nam ghi nhận sự phục hồi tích cực khi tăng trưởng tín dụng tăng mạnh vào cuối năm, đạt 15,08%, phản ánh nhu cầu vốn gia tăng trong bối cảnh nền kinh tế dần hồi phục. Động lực chính đến từ chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), giúp cân bằng giữa ổn định vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng. Đặc biệt, nhiều ngân hàng đạt hoặc vượt kế hoạch lợi nhuận nhờ biên lãi thuần cải thiện

cùng sự đóng góp từ các hoạt động dịch vụ phi tín dụng và khoản thu từ xử lý nợ xấu. Bên cạnh đó, các ngân hàng đã cải thiện đáng kể việc kiểm soát chi phí hoạt động và chi phí tín dụng, góp phần tăng trưởng lợi nhuận bền vững. Lãi suất huy động sau giai đoạn giảm sâu đã có xu hướng tăng nhẹ từ tháng 4/2024, tạo điều kiện để mở rộng tín dụng, đồng thời giúp các ngân hàng cân đối nguồn vốn. Mặt bằng lãi suất duy trì ở mức hợp lý, với lãi suất 12 tháng trung bình đạt 5%, tạo tiền đề thuận lợi cho tăng trưởng lợi nhuận toàn hệ thống.

Bước sang năm 2025, ngành ngân hàng tiếp tục được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng tích cực với mục tiêu tín dụng toàn hệ thống tăng 16%, đưa dư nợ tín dụng lên hơn 18,1 triệu tỷ đồng. Các ngân hàng hướng tới tăng trưởng lợi nhuận trước thuế ở mức 25% so với năm 2024, nhờ vào biên lãi thuần (NIM) kỳ vọng đạt 5,5% và chất lượng tài sản cải thiện khi tỷ lệ nợ có vấn đề giảm về 2,2%. Môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, cùng sự phục hồi của thu nhập doanh nghiệp và người dân, là yếu tố hỗ trợ tích cực cho hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, chuyển đổi số và các giải pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro tiếp tục là động lực tăng trưởng dài hạn. Tuy nhiên, đề tận dụng cơ hội và ứng phó hiệu quả với các thách thức mới, các ngân hàng cần nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hóa nguồn thu và thích ứng linh hoạt với diễn biến kinh tế trong nước và quốc tế.

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 13: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2024

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023 ^(a)	Kế hoạch 2024	% tăng (giảm) so với thực hiện 2023	Thực hiện tính đến 31/12/2024 ^(b)	% tăng (giảm) so với thực hiện 2023
Tổng tài sản	Tỷ đồng	267.006	280.000	105%	320.177	120%
Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	Tỷ đồng	141.342	178.900	127%	175.823	124%
Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân...)	Tỷ đồng	149.145	178.200	119%	178.278	120%
Nợ xấu hợp nhất (nhóm 3-5)	%	2,87%	<3%	-	2,65%	-
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.830	6.800	117%	6.904	118%
Vốn điều lệ	Đồng	20.000	26.000	130%	26.000	130%
Tỷ lệ chia cổ tức	%/mệnh giá	30%	15%	-	-	-

(Nguồn: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam)

(i): Theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam;

(ii): Theo BCTC hợp nhất tự lập quý 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

Các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam thông qua tại Nghị quyết số 32/NQ-DHĐCĐ ngày 23/04/2024.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh nghiệp 59”).
- Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (“Luật số 69”).
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 (“Luật Các tổ chức tín dụng số 32”).
- Căn cứ Kết luận 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (“Kết luận 121”).
- Căn cứ Nghị quyết 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (“Nghị quyết 176”).
- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (“Nghị định số 91”).
- Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (“Nghị định số 32”).
- Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (“Nghị định số 140”).
- Căn cứ Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 (“Nghị định số 167”).
- Căn cứ Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam (“Nghị định số 01”).

- Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (“Nghị định số 29”).
- Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng (“Nghị định số 33”).
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư số 50”).
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư số 96”).
- Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (“Thông tư số 119”).
- Căn cứ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán (“Thông tư số 120”).
- Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ (“Thông tư số 36”).
- Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-BGTVT ngày 05/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 (“Quyết định số 214”).
- Căn cứ Quyết định số 3142/QĐ-VISHIPEL ngày 17/07/2024 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thoái vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam vào Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.
- Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 439/2024/338/S&P-CT ngày 26/11/2024 do Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Thẩm định giá S&P phát hành;
- Căn cứ Hợp đồng tư vấn số 16/2024/HĐTV/APSC-VISHIPEL ngày 10/10/2024 giữa Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam và CTCP Chứng khoán Alpha.

2. Mục đích chuyển nhượng vốn

Việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam nhằm thực hiện chủ trương thu hồi vốn đã đầu tư của Công ty theo Quyết định số 214/QĐ-BGTVT ngày 05/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng kể từ ngày 01/03/2025 theo Kết luận 121, Nghị quyết 176 và Nghị định số 33) về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại

Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 để tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ, các dự án và ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty quan trọng khác, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Đồng thời, việc giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam sẽ tạo cơ hội đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư tiềm năng có mong muốn trở thành cổ đông tại MSB và tham gia trực tiếp vào hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

3.1. Tình hình đầu tư vốn

Năm 1991, Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam góp vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam bằng tiền mặt với số vốn góp là 100.000.000 đồng, tương đương với 10.000 cổ phần.

Từ đó đến nay, Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam không góp thêm vốn, theo đó:

- Đối với việc tăng vốn bằng hình thức chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu của MSB: Giá trị vốn góp không thay đổi, số cổ phần nắm giữ tăng lên tương ứng;
- Đối với việc tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Công ty không góp thêm vốn mà thực hiện chào bán quyền mua cổ phiếu theo quy định.

Tính đến thời điểm lập Phương án chuyển nhượng vốn, tình hình đầu tư vốn của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam như sau:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 320.323 cổ phần;
- Tổng giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá: 3.203.230.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm linh ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng);
- Giá trị khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ghi trên sổ sách kế toán của Công ty tại 31/12/2024: 1.055.260.000 đồng;
- Khoản dự phòng tổn thất đầu tư đã trích lập (nếu có): 0 đồng;
- Giá trị cổ tức lũy kế (cổ tức bằng tiền) Công ty đã nhận được đến 31/12/2024: 0 đồng.

3.2. Lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Việc chuyển nhượng vốn của VISHIPEL tại MSB thành công sẽ bổ sung vào dòng tiền thu được của VISHIPEL một khoản ước tính theo giá trị định giá là: **320.323 cổ phần x 12.600 đồng/cổ phần = 4.036.069.800 đồng.**

Hoạt động chuyển nhượng vốn góp của VISHIPEL đầu tư tại MSB chỉ đơn thuần là giao dịch giữa VISHIPEL với nhà đầu tư mua cổ phần mà không làm thay đổi vốn điều lệ,

hay ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn vốn, tình hình tài chính của MSB mà chỉ thay đổi cơ cấu cổ đông của MSB. Đồng thời, việc chuyển nhượng vốn của VISHIPEL tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiềm năng tham gia đầu tư góp vốn vào MSB để khai thác nguồn lực hiện có của đơn vị.

4. Nhu cầu thị trường đầu tư vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn

4.1 Nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

❖ Về khách quan của thị trường

Năm 2025, nhu cầu đầu tư vào cổ phiếu ngân hàng Việt Nam được thúc đẩy bởi triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực, dựa trên ba động lực chính: tăng trưởng tín dụng, NIM cải thiện và áp lực nợ xấu giảm dần. Tín dụng toàn ngành dự báo duy trì mức tăng 14 - 15%, với động lực chính đến từ mặt bằng lãi suất thấp, nhu cầu vay vốn tăng cao từ cả khối cá nhân và doanh nghiệp. Tín dụng bán lẻ tăng tốc nhờ nhu cầu tiêu dùng, kinh doanh phục hồi, trong khi tín dụng bán buôn hưởng lợi từ hoạt động sản xuất, xuất khẩu và đầu tư công khởi sắc, đặc biệt tại các lĩnh vực bất động sản, xây dựng và vật liệu xây dựng. NIM ngành ngân hàng được kỳ vọng tăng nhẹ nhờ chi phí vốn tiếp tục ở mức thấp và kỳ vọng tỷ giá ổn định hỗ trợ lãi suất liên ngân hàng. Các ngân hàng tư nhân có thể mạnh về bán lẻ, sở hữu tỷ lệ CASA cao và danh mục khách hàng chất lượng được đánh giá có tiềm năng cải thiện biên lợi nhuận tốt nhất. Chất lượng tài sản toàn ngành được cải thiện nhờ đã phục hồi kinh tế và hiệu quả từ các chính sách hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 dự kiến tăng khoảng 15%, với sự phân hóa rõ nét, trong đó nhóm ngân hàng tư nhân năng động được kỳ vọng dẫn dắt đà tăng trưởng.

Với nền tảng tích cực này, cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là kênh đầu tư tiềm năng, thu hút dòng vốn nhờ triển vọng lợi nhuận bền vững và vai trò chủ lực của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế.

❖ Về Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Trong phân khúc tầm trung, Ngân hàng MSB có vị thế nổi bật dựa trên những yếu tố quan trọng sau:

- Mạng lưới hoạt động: MSB có 261 chi nhánh và phòng giao dịch, 285 trụ ATM trải dài trên 51 tỉnh/thành phố của cả nước, xếp thứ 10 trên tổng số 27 ngân hàng tại Việt Nam (theo Bảng 12). Các thị trường cốt lõi của ngân hàng bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2024, mạng bán lẻ MSB đạt kì vọng tăng trưởng xấp xỉ 715.000 khách hàng mới.

- Quy mô, hiệu quả hoạt động: Trong năm 2024, MSB ghi nhận tổng tài sản đạt 320.177 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của ngân hàng tăng lên đến 36.817 tỷ đồng, phản ánh sự gia tăng ổn định trong nền tảng vốn. Tỷ lệ CASA đạt 26,42%, duy trì ở mức cao nhờ chiến lược thu hút tiền gửi không kỳ hạn hiệu quả, trong khi tăng trưởng tín dụng đạt gần 320.200 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 20% so với đầu năm. Về chỉ số an toàn hoạt động, vị thế vốn

của MSB cũng duy trì với tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) là 72,24%, tính đến 31/12/2024, tuân thủ mức trần 80% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và tỷ lệ an toàn vốn (CAR) đạt 12,25%, vượt xa yêu cầu tối thiểu 8% của Basel II.

- Quản trị rủi ro: Khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro luôn được cập nhật định kỳ để đảm bảo phù hợp với thị trường và định hướng kinh doanh của MSB. Trong năm 2023, MSB đã triển khai đo lường và quản trị rủi ro theo các phương pháp luận mới của Basel III, Basel IV cho các rủi ro trọng yếu, góp phần tạo nên một hệ thống quản lý rủi ro minh bạch, tối ưu.

Bảng 14: Xếp hạng tín nhiệm của MSB năm 2023 theo Moody's

Tiêu chí	Xếp hạng
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng rủi ro đối tác (Counterparty Risk Rating)	Ba3
Tiền gửi ngân hàng (Bank Deposits)	B1
Đánh giá tín dụng cơ sở (Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá tín dụng cơ sở điều chỉnh (Adjusted Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá rủi ro đối tác (Counterparty Risk Assessment)	Ba3(cr)
Xếp hạng nhà phát hành (Issuer Rating)	B1

(Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2023 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam)

- Giá trị thương hiệu: Trong những năm gần đây, MSB đã và đang khẳng định giá trị thương hiệu thông qua hàng loạt giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế. Năm 2024, ngân hàng được vinh danh trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á (Fortune) và nhận giải thưởng Ngân hàng tốt nhất về Phát triển bền vững từ Euromoney và Global Brand Magazine. Các năm trước, MSB cũng được đánh giá cao về chuyển đổi số, quản trị rủi ro, và môi trường làm việc, nổi bật như giải Ngân hàng của năm 2023 (The Banker) và Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2022 (HR Asia), qua đó củng cố vị thế hàng đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại khu vực.

Bên cạnh đó, cổ phiếu MSB được đánh giá tích cực bởi triển vọng tài chính tốt và hiệu quả hoạt động vượt trội của ngân hàng. Báo cáo phân tích ngành ngân hàng 2025 của VCBS khuyến nghị nhà đầu tư mua cổ phiếu MSB, nhấn mạnh vào tiềm năng mở rộng tín dụng và NIM hồi phục. VCBS dự báo MSB có thể đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng 21% cho năm 2025. NIM sẽ hồi phục từ 2025 dựa vào các động lực mở rộng bao gồm: Kỳ vọng tỷ giá hạ nhiệt sẽ kéo giảm lãi suất trên thị trường II; Tỷ lệ CASA cải thiện; Cho vay tăng

trường tốt, đặc biệt là tín dụng bán lẻ; và Nâng cao chất lượng danh mục cho vay giảm các trường hợp thoái lui.

Với nền tảng tài chính mạnh mẽ và định hướng phát triển chiến lược, cổ phiếu MSB có sức hấp dẫn lớn đối với nhà đầu tư về khả năng sinh lời và tối ưu hóa cơ hội đầu tư.

4.2 Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn

Trường hợp VISHIPEL chuyển nhượng được toàn bộ phần vốn góp tại MSB, VISHIPEL sẽ thu hồi được một khoản vốn để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Dự kiến giá trị thu về từ việc chuyển nhượng vốn góp là:

Bảng 15: Giá trị dự kiến thu về từ việc chuyển nhượng vốn

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
Giá trị thu về từ việc bán phần vốn góp dự kiến (trường hợp giá chào bán xác định theo chứng thư thẩm định giá số 439/2024/338/S&P-CT ngày 26/11/2024 do Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Thẩm định giá S&P phát hành): Chi tiết: 320.323 cổ phần x 12.600 đồng/cổ phần = 4.036.069.800 đồng. (1)	Đồng	4.036.069.800
Giá trị phần vốn góp (giá gốc của 320.323 cổ phần sở hữu tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam theo Báo cáo tài chính giữa niên độ đến ngày 31/12/2024 đã được soát xét của VISHIPEL): (2)	Đồng	1.055.260.000
Dự kiến chi phí thực hiện chuyển nhượng vốn (*): (3)	Đồng	217.910.000
Thu ròng từ hoạt động chuyển nhượng vốn (Tổng thu - chi phí dự kiến): (4) = (1) - (3)	Đồng	3.818.159.800
Hiệu quả đầu tư sau 33 năm: (5) = (4) - (2)	Đồng	2.762.899.800

(*) Chi phí dự kiến thực hiện chuyển nhượng vốn trên chưa bao gồm chi phí chuyển quyền sở hữu tại VSDC và chi phí về thuế chuyển nhượng vốn theo quy định hiện hành.

Để thấy được hiệu quả của phần vốn góp VISHIPEL đầu tư vào MSB từ năm 1991 đến nay, chúng ta tiến hành so sánh với một số kênh đầu tư phi rủi ro: Đầu tư mua trái phiếu Chính phủ Việt Nam (TPCP) kỳ hạn 30 năm, và Gửi tiết kiệm tại ngân hàng. Năm 2016, TPCP kỳ hạn 30 năm đầu tiên được phát hành ngày 28/01/2016 có lãi suất trúng thầu là 8%/năm⁽¹⁾. Lãi suất tiền gửi bình quân từ 1997 đến 2023 ở Việt Nam đạt 6,86%/năm⁽²⁾. Bên cạnh đó, cần xem xét tới yếu tố lạm phát trong khoảng thời gian đầu tư,

¹ Theo Kho bạc Nhà nước. (2024). Kết quả đấu thầu Trái phiếu Chính phủ đợt 9,10,11 ngày 27 tháng 01 năm 2016. <http://bit.ly/4a16QxW>

cụ thể: tỷ lệ lạm phát bình quân từ năm 1996 - 2023 tại Việt Nam vào khoảng 5,68%/năm⁽²⁾.

- Đầu tư vốn góp vào MSB:

Lợi nhuận bình quân hàng năm khi đầu tư vào MSB:

Lợi nhuận bình quân hàng năm = 2.762.899.800 / 33 = 83.724.236,36 đồng/năm

Tỷ suất lợi nhuận bình quân hàng năm (%/năm):

Tỷ suất lợi nhuận danh nghĩa = (83.724.236,36 / 1.055.260.000) x 100 = **7,93%**

Tỷ suất lợi nhuận thực = *Tỷ suất lợi nhuận danh nghĩa* - *Tỷ lệ lạm phát*
= 7,93% - 5,68% = **2,25%**

- Kênh đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ (kỳ hạn 30 năm):

Tỷ suất lợi nhuận thực của TPCP (%/năm):

Tỷ suất lợi nhuận thực TPCP = *Tỷ suất lãi suất TPCP danh nghĩa* - *Tỷ lệ lạm phát*
= 8% - 5,68% = **2,32%**

- Kênh gửi tiết kiệm ngân hàng:

Tỷ suất lợi nhuận thực của tiền gửi ngân hàng (%/năm):

Tỷ suất lợi nhuận thực tiền gửi = *Tỷ suất lãi suất tiền gửi danh nghĩa* - *Tỷ lệ lạm phát*
= 6,86% - 5,68% = **1,18%**

Qua đánh giá các kênh đầu tư, có thể nhận thấy được việc đầu tư góp vốn vào MSB mang lại tỷ suất sinh lời thực ở mức **2,25%/năm**, không chỉ cao hơn đáng kể so với kênh gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng (1,18%/năm) mà còn tiệm cận mức sinh lời từ Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 30 năm (2,32%/năm). Điều này cho thấy, nếu VISHIPEL thực hiện chuyển nhượng vốn góp tại MSB thành công (với mức giá chào bán 12.600 đồng/cổ phần), không chỉ bảo toàn vốn đầu tư mà còn cho thấy hiệu quả đầu tư tài chính vượt trội và tối ưu hóa nguồn vốn đầu tư.

5. Phương án chuyển nhượng vốn

5.1. Thông tin về cổ phần chào bán

- | | |
|--|---|
| - Tên cổ phần chào bán: | Cổ phần Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam |
| - Loại cổ phần chào bán: | Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng |
| - Mệnh giá cổ phần: | 10.000 đồng/cổ phần |
| - Mã cổ phiếu: | MSB |
| - Sàn giao dịch: | Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (" HOSE ") |
| - Số lượng cổ phần do VISHIPEL sở hữu: | 320.323 cổ phần, chiếm 0,01% số lượng cổ phần đang lưu hành của MSB |
| - Số lượng cổ phần chào bán: | 320.323 cổ phần, tương đương 100% số cổ phần thuộc sở hữu của |

² Tính toán theo dữ liệu từ World Bank. (2024). DataBank. 

VISHIPEL tại MSB

- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: **3.203.230.000** đồng (*Ba tỷ, hai trăm linh ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*)

5.2. Giá khởi điểm chuyển nhượng vốn

❖ Căn cứ xác định giá khởi điểm

Giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điểm d Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020, giá khởi điểm khi chuyển nhượng cổ phần do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định và được Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam phê duyệt. Giá khởi điểm trước khi thực hiện chuyển nhượng vốn được xác định như sau:

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.
- Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá. Khi xác định giá khởi điểm phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị thương hiệu (trong đó bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử) vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).
- Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, việc xác định giá khởi điểm đảm bảo theo các quy định trên và quy định sau: "*Mức giá khởi điểm của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn không được thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của*

công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày”.

❖ **Xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn của VISHIPEL đầu tư tại MSB**

Giá cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá:

- Theo Chứng thư thẩm định giá số 439/2024/338/S&P-CT ngày 26/11/2024 do Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Thẩm định giá S&P phát hành, giá cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam được xác định là **12.600 đồng/cổ phần (1)**.

Giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp của cổ phiếu MSB trên sàn giao dịch HOSE trước ngày VISHIPEL phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn:

- Theo dữ liệu giao dịch công bố trên website của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh, Giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp của cổ phiếu MSB tính đến ngày lập phương án (11/04/2025) là: **11.553 đồng/cổ phần (2)**.

Giá tham chiếu của cổ phiếu MSB trên sàn giao dịch HOSE trước ngày VISHIPEL phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn một (01) ngày:

- Theo dữ liệu giao dịch công bố trên website của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh, Giá tham chiếu của cổ phiếu MSB tại ngày lập phương án (11/04/2025) là: **11.050 đồng/cổ phần (3)**.

Như vậy, căn cứ: (1) Giá cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá, **(2)** Giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp của cổ phiếu MSB trên sàn giao dịch HOSE trước ngày VISHIPEL phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn và **(3)** Giá tham chiếu của cổ phiếu MSB trên sàn giao dịch HOSE trước ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn một (01) ngày. Tại thời điểm lập phương án chuyển nhượng vốn này, giá cổ phiếu của MSB theo xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá là mức giá cao nhất so với các mức giá còn lại.

Do vậy, để bảo toàn và thu hồi vốn đầu tư ở mức cao nhất, Tổ chức tư vấn (Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha) đề xuất giá khởi điểm để chào bán sẽ căn cứ theo giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá tối thiểu là **12.600 đồng/cổ phần** tại thời điểm lập Phương án chuyển nhượng vốn.

Lưu ý, do giá giao dịch của cổ phiếu MSB trên sàn giao dịch HOSE biến động hàng ngày theo cung – cầu trên thị trường chứng khoán. Do vậy, Tổ chức tư vấn sẽ phối hợp cùng VISHIPEL xác định lại các mức giá tham chiếu của cổ phiếu MSB trên sàn giao dịch HOSE tại các căn cứ (2) và (3) tại ngày cơ quan có thẩm quyền chính thức phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn nhằm đảm bảo xác định đúng, đủ và chính xác mức giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn theo quy định pháp luật hiện hành.

5.3. Phương thức chuyển nhượng vốn

Căn cứ Tiết a và Tiết c Điểm 1 Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ và Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ:

“1. Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán theo các phương thức giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch của thị trường chứng khoán (sau đây gọi là sàn giao dịch chứng khoán) do Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức, phải đảm bảo giá giao dịch (giá sàn) không thấp hơn giá khởi điểm được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

a) Khi chuyển nhượng vốn thông qua chuyển nhượng cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, doanh nghiệp nhà nước gửi các văn bản sau đây đến Sở Giao dịch chứng khoán để thực hiện công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn:

- *Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn;*
- *Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;*
- *Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có số cổ phần bán đấu giá để chuyển nhượng vốn là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần đăng ký bán;*
- *Thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày chuyển nhượng vốn.*

...

c) Khi chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện trên sàn giao dịch chứng khoán thì thực hiện theo thứ tự phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận (thực hiện giao dịch ngoài sàn)”.

Theo đó, việc chuyển nhượng vốn của VISHIPEL tại MSB có thể thực hiện theo hai (02) phương thức:

- **Phương thức 1:** Chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức Giao dịch khớp lệnh hoặc giao dịch thỏa thuận trên sàn HOSE. Hoặc;
- **Phương thức 2:** Chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức Giao dịch ngoài sàn HOSE (đấu giá công khai; trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn thì thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận).

Đánh giá Ưu điểm và Nhược điểm của hai (02) Phương thức nêu trên:

Tiêu chí	Giao dịch trên sàn HOSE	Giao dịch ngoài sàn giao dịch HOSE (Bán đấu giá công khai)
----------	-------------------------	---

Tiêu chí	Giao dịch trên sàn HOSE	Giao dịch ngoài sàn giao dịch HOSE (Bán đấu giá công khai)
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa hóa số lượng cổ phần cần bán do Nhà đầu tư tham dự đấu giá phải đăng ký mua toàn bộ lô cổ phần chào bán. - Không bị giới hạn về thời gian thực hiện giao dịch. - Khi nhà đầu tư khớp lệnh mua cổ phiếu thì không thể hủy lệnh mua và tiền mua cổ phiếu được VSDC thanh toán theo quy định về giao dịch cổ phiếu (Hạn chế tối đa Nhà đầu tư bỏ cọc so với việc bán đấu giá). - Thủ tục chuyển quyền sở hữu nhanh gọn, đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư được tiếp cận về đợt chuyển nhượng qua nhiều kênh thông tin: trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo trung ương, báo địa phương tại Hà Nội, Hải Phòng), trên website của Tổ chức thực hiện bán đấu giá (các Sở GD&ĐT), các Đại lý đấu giá (công ty chứng khoán thành viên), Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng (VISHIPEL) và của MSB. - Ít bị ảnh hưởng của giá giao dịch trên sàn, kể cả trường hợp giao dịch chuyển nhượng với khối lượng cổ phiếu lớn. - Nhà đầu tư nhỏ lẻ cũng có thể tham gia đấu giá nên giá trị chuyển nhượng vốn thu về có thể cao hơn do tăng số lượng Nhà đầu tư tham gia, tạo sự cạnh tranh về giá. - Tối đa hóa lợi ích thu được cho chủ sở hữu do mức giá giao dịch không bị hạn chế bởi biên độ giao động giá.
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Giá giao dịch phải nằm trong biên độ dao động giá của cổ phiếu MSB tại ngày giao dịch và chịu sự ảnh hưởng của cung cầu thị trường - Thông tin về đợt chuyển nhượng không được công bố trên nhiều kênh thông tin đại chúng nên ít nhà đầu tư được tiếp cận thông tin. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư có thể bỏ cọc sau phiên chào bán cạnh tranh (do tỷ lệ % đặt cọc thấp so với giá trị số lượng cổ phần đặt mua), dẫn đến việc chào bán không thành công. - Thời gian tham gia đăng ký mua cổ phần của nhà đầu tư bị giới hạn theo thông tin công bố. - Chịu sự quản lý của các cơ quan cấp phép và phê duyệt (các Sở GD&ĐT, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) hoặc Ngân hàng Nhà nước) nên thời gian giao dịch bị kéo dài, gây rủi ro cho bên

Tiêu chí	Giao dịch trên sàn HOSE	Giao dịch ngoài sàn giao dịch HOSE (Bán đấu giá công khai)
		bán và bên mua. - Số lượng cổ phiếu cần chuyển nhượng tương đối nhỏ, chưa tạo sự hấp dẫn nhất định đối với nhà đầu tư.

Như vậy, qua đánh giá, có thể thấy việc chuyển nhượng vốn theo phương thức giao dịch trên sàn giao dịch HOSE (Giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên sàn giao dịch HOSE) có nhiều ưu điểm hơn so với phương thức chuyển nhượng ngoài sàn HOSE và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của VISHIPEL. Do vậy, đề xuất VISHIPEL lựa chọn việc chuyển nhượng cổ phần theo phương thức **Giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên sàn giao dịch HOSE** (nơi cổ phiếu MSB đang được niêm yết và giao dịch).

5.4. Đối tượng tham gia mua cổ phần

Các nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) đủ điều kiện tham gia mua cổ phần theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5.5. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần và chuyển nhượng cổ phần

Theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5.6. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn và công bố thông tin về đợt chào bán cổ phần

Phương án chuyển nhượng cổ phần phải được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Thông tin về đợt chuyển nhượng vốn phải được Sở GDCK TP.HCM công bố thông tin cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày VISHIPEL dự kiến chuyển nhượng vốn. Các dữ liệu điện tử liên quan đến việc chào bán cổ phần cũng sẽ được đăng trên trụ sở chính và trên website của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và CTCP Chứng khoán Alpha.

Trong thời gian tối đa 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chuyển nhượng cổ phần, Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam báo cáo kết quả chuyển nhượng cổ phần gửi Bộ Xây dựng (theo Kết luận 121, Nghị quyết 176 và Nghị định số 33), Bộ Tài chính (Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước, theo cơ cấu tổ chức được quy định tại Nghị định số 29).

5.7. Phương án xử lý số cổ phần không bán hết

Trường hợp VISHIPEL thực hiện chuyển nhượng vốn tại MSB theo Phương án chuyển nhượng vốn này không thành công, VISHIPEL sẽ tiếp tục quản lý phần vốn góp tại MSB và lên kế hoạch chuyển nhượng vốn vào thời điểm thích hợp theo các quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện chuyển nhượng vốn.

5.8. Chi phí chuyển nhượng vốn

Các chi phí có liên quan đến chuyển nhượng vốn bao gồm chi phí thuê tư vấn thẩm định giá, tư vấn lập phương án chuyển nhượng cổ phần và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động chuyển nhượng vốn. Các chi phí này được trừ vào tiền thu từ chuyển nhượng cổ phần.

6. Quy định về sở hữu cổ phần và chuyển nhượng cổ phần tại các Tổ chức tín dụng

6.1. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Căn cứ theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD tại Việt Nam như sau:

“(i) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% VDL của một TCTD Việt Nam.

(ii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% VDL của một TCTD Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

(iii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% VDL của một TCTD Việt Nam.

(iv) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% VDL của một TCTD Việt Nam.

(v) Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% VDL của một NHTM Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một TCTD phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.

(vi) Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại TCTD yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một TCTD cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

(vii) Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

(viii) Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của TCTD Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này.”

Tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“MSB”) là 30% vốn điều lệ, tương ứng số cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu tối đa tại MSB là 780.000.000 cổ phiếu.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại MSB tại ngày 11/04/2025 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố là 711.551.529 cổ phiếu, tương ứng 27,37% vốn điều lệ. Số lượng cổ phiếu nhà

đầu tư nước ngoài còn được phép mua tại ngày 11/04/2025 là **68.448.471** cổ phiếu, tương ứng **2,63%** vốn điều lệ.

Tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể biến động theo từng ngày giao dịch trên thị trường và cũng có thể đạt mức tối đa 30% vốn điều lệ tại ngày làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phiếu MSB. Do đó, nhà đầu tư nước ngoài khi nghiên cứu mua cổ phần MSB phải có trách nhiệm cập nhật số lượng cổ phần MSB còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài được công bố hàng ngày trên website của VSDC và HOSE và đảm bảo khối lượng đăng ký mua không vượt quá khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC và HOSE công bố tại thời điểm VISHIPEL thực hiện chuyển nhượng vốn trên HOSE.

6.2. Giới hạn sở hữu cổ phần tại các Tổ chức tín dụng

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam căn cứ quy định tại Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024:

“Điều 63: Tỷ lệ sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.

4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật này;

b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;

c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật này.

6. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.

7. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Chính phủ quy định tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.”.

Nhà đầu tư phải đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cá nhân, tổ chức và những người có liên quan theo quy định nêu trên.

6.3. Quy định về chuyển nhượng vốn tại ngân hàng thương mại

❖ Trường hợp nhà đầu tư mua cổ phiếu MSB và trở thành cổ đông lớn (là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MSB) thì phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận trước khi VISHIPEL thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phiếu.

Trường hợp nhà đầu tư mua cổ phiếu MSB dẫn đến trở thành cổ đông lớn, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo và cung cấp thông tin cho VISHIPEL, MSB trong vòng 02 ngày làm việc theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư trở thành cổ đông lớn và cung cấp thông tin, MSB sẽ gửi hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.

❖ Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần phải thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của cổ đông theo đúng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại MSB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của MSB; không được góp vốn, mua cổ phần của MSB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho MSB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư. MSB có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

7. Dự kiến thời gian thực hiện

- Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện: Quý I-II/2025.
- Dự kiến thời gian hoàn thành việc chuyển nhượng vốn: Quý II-III/2025.
- Dự kiến tiến độ thực hiện:

Stt	Nội dung Công việc	Thời gian thực hiện		Thực hiện
		Bắt đầu	Kết thúc	
I	Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn			
1	Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn	T		Cơ quan có thẩm quyền
2	Hoàn thiện hồ sơ chuyển nhượng vốn và các bên ký ban hành	T + 2		APSC, VISHIPEL
II	Tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn			
1	Nộp hồ sơ đăng ký chuyển nhượng vốn cho HOSE	T + 3		APSC
2	Bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của HOSE (nếu có)	T + 6		APSC, VISHIPEL
3	Công bố thông tin về đợt chuyển nhượng vốn cho các nhà đầu tư (Tối thiểu 20 ngày trước ngày tổ chức chuyển nhượng vốn)	T + 7	T + 26	VISHIPEL, HOSE & MSB
4	Thực hiện giao dịch chuyển nhượng vốn	T+27		VISHIPEL, Công ty chứng khoán thành viên của HOSE
5	Thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần qua VSDC (Trường hợp có nhà đầu tư mua để trở thành cổ đông lớn thì phải làm thủ tục xin chấp thuận của NHNN trước khi thực hiện chuyển quyền sở hữu qua VSDC).	T+29		VISHIPEL, Công ty chứng khoán thành viên của HOSE & VSDC
6	Báo cáo NHNN xin chấp thuận cổ đông lớn (nếu có nhà đầu tư mua trở thành cổ đông lớn), kết quả chuyển nhượng cổ phần của VISHIPEL. (Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chuyển nhượng – Khoản 5 Điều 17 Thông tư 50/2018/NHNN)	T + 36		MSB
III	Báo cáo kết quả			

Stt	Nội dung Công việc	Thời gian thực hiện		Thực hiện
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Trường hợp bán qua sàn không thành công, VISHIPEL ra quyết định kết thúc đợt chào bán và thực hiện báo cáo các Cơ quan có thẩm quyền.	T + 37		VISHIPEL
2	Báo cáo Bộ Tài chính (Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước) và Bộ Xây dựng kết quả chuyển nhượng vốn. (Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành chuyển nhượng vốn)	T + 45		VISHIPEL

Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian triển khai thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng và tình hình thực tế của các bên có liên quan.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là phù hợp với chủ trương hoạt động tái cơ cấu lại các khoản đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định theo Quyết định số 214/QĐ-BGTVT ngày 05/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng kể từ ngày 01/03/2025 theo Kết luận 121, Nghị quyết 176 và Nghị định số 33) về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025.

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

**CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Chủ tịch



Nguyễn Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Trung

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Công ty VISHIPEL;
- Lưu: APSC (IB_TV TCDN).